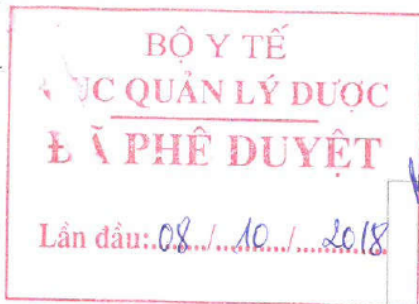




MẪU GÓI NADYZIN

Gói 2gam thuốc bột uống

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9
930 C4, đường C, KCN Cái Lái, cụm 2,
P. Thạnh Mỹ Lợi, Q.2, TP. HCM

CÔNG THỨC:
Kẽm 10mg
(Dưới dạng kẽm gluconat 70 mg)
Tà dược vd 1 gói 2g

CHỈ ĐỊNH:
Bổ sung kẽm vào chế độ ăn trong các trường hợp:
- Bệnh còi xương, chậm tăng trưởng ở trẻ em.
- Phụ nữ có thai và cho con bú.
- Chế độ ăn thiếu cân bằng hoặc kiêng ăn.
- Nuôi ăn lâu dài qua đường ống tĩnh mạch.
- Tiêu chảy cấp và mạn tính.
Điều trị thiếu kẽm:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng
LIỀU DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.
ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
Bảo quản: Ở nhiệt độ không quá 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng.
Sản xuất theo TCCS SĐHC

HD:

Số SX:

Thuốc bột uống

nadyzin

BỔ SUNG VÀ ĐIỀU TRỊ THIẾU KẼM

Gói 2gam

NADUPHAR

Ngày 11 tháng 5 năm 2018
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



Nguyễn Chí Thành

[Handwritten signature]

MẪU HỘP NADYZIN

Hộp 24 gói x 2gam thuốc bột uống



BỔ SUNG
VÀ ĐIỀU TRỊ
THIẾU KẼM

nadyZin

Box of 24 sachets x 2 grams of oral powder

nadyZin

SUPPLEMENT
AND TREATMENT FOR
ZINC DEFICIENCY



2/9 PHARMACEUTICAL J.S.C - NADYPHAR
930 C4, Road C, Cat Lai Industrial Zone, Complex 2,
Thanh My Loi Ward, Dist. 2, HCMC - Viet Nam



COMPOSITIONS:

Zinc
(As zinc gluconate 70mg)
Excipients 84.1 Ischeta of 2g

INDICATIONS:

Dietary supplement of zinc in conditions:

- Children have low growth and rickets.
- Pregnant and lactating women
- Vegetarianism, unbalanced or restricted diets.
- Prolonged parenteral nutrition
- Acute or chronic diarrhoea.

Treatment for zinc deficiency:

Read the leaflet inside

DOSAGE, CONTRAINDICATIONS AND THE

OTHER INFORMATION:

Read the leaflet inside.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

CAREFULLY READ THE LEAFLET BEFORE USE

STORAGE: Not more than 30°C, in dry place;

protect from light.

Hộp 24 gói x 2gam thuốc bột uống

nadyZin

BỔ SUNG
VÀ ĐIỀU TRỊ
THIẾU KẼM



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9
930 C4, đường C, KCN Cát Lái, cụm 2,
P. Thanh Mỹ Lợi, Quận 2, TP Hồ Chí Minh



CÔNG THỨC:

Kẽm
(Dưới dạng kẽm gluconat 70 mg)
Tá dược 1 gói 2g

CHỈ ĐỊNH:

- Bổ sung kẽm vào chế độ ăn trong các trường hợp:
 - Bệnh còi xương, chậm tăng trưởng ở trẻ em.
 - Phụ nữ có thai và cho con bú.
 - Chế độ ăn thiếu cân bằng hoặc kiêng ăn.
 - Nuôi ăn lâu dài qua đường tình mạch.
 - Tiêu chảy cấp và mạn tính.

Điều trị thiếu kẽm:

Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo.

LIỀU DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁCH

THÔNG TIN KHÁC:

Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo.

ĐỀ AN TÂM TAY CỦA TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KHI DÙNG

Bảo quản: Ở nhiệt độ không quá 30°C, nơi khô ráo,
tránh ánh sáng

Sản xuất theo TCS SPC:

Số lô SX/Lot. No.:
NSX/Mfg Date:
HD/Exp Date:



Ngày 11 tháng 5 năm 2018
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



Nguyễn Chí Thành



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC NADYZIN (Thuốc bột uống)

NADYZIN

Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc:

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Đề xa tâm tay trẻ em.*

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC:

Thành phần hoạt chất:
Kẽm 10 mg
(Dưới dạng kẽm gluconat 70 mg)
Thành phần tá dược: Đường trắng, lactose, sucralose, bột hương cam.

DẠNG BẢO CHẾ: Thuốc bột uống

Bột thuốc màu trắng đồng nhất, khô tơi, không bị vón cục, thơm mùi cam.

CHỈ ĐỊNH:

Bổ sung kẽm vào chế độ ăn trong các trường hợp:
Bệnh còi xương, chậm tăng trưởng ở trẻ em.
Phụ nữ có thai và cho con bú.
Chế độ ăn thiếu cân bằng hoặc kiêng ăn.
Nuôi ăn lâu dài qua đường tĩnh mạch.
Tiêu chảy cấp và mạn tính.
Điều trị thiếu kẽm:
Thiếu kẽm nhẹ và vừa trong các trường hợp:
Suy dinh dưỡng nhẹ và vừa.
Rối loạn đường tiêu hóa: Chán ăn, chậm tiêu, táo bón nhẹ, buồn nôn và nôn ở phụ nữ có thai.
Khó ngủ, mất ngủ, trằn trọc đêm, suy nhược, nhức đầu.
Nhiễm trùng tái diễn ở đường hô hấp, đường tiêu hóa, da.
Khô da, vết thương chậm lành (bong, lở loét do nấm lâu).
Khô mắt, loét giác mạc, quáng gà.
Thiếu kẽm nặng: Được đặc trưng bởi các tổn thương da điển hình trong bệnh viêm ruột, da đầu chi, đầy sừng, hói, loạn dưỡng móng, khô mắt, viêm quanh lỗ tự nhiên cùng với tiêu chảy.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG:

Liều bổ sung dinh dưỡng:
Trẻ em 6 - 12 tháng tuổi: Uống 1/2 gói/lần/ngày.
Trẻ em 1 tuổi đến 3 tuổi: Uống 1 gói/lần/ngày.
Trẻ em 3 tuổi đến 6 tuổi: Uống 1 gói/lần, ngày 2 lần.
Trẻ em trên 6 tuổi: Uống 1 gói/lần, ngày 2 - 3 lần.
Liều điều trị: Theo chỉ dẫn của bác sĩ.
Nên giảm liều khi triệu chứng lâm sàng đã được cải thiện.
Cách dùng:
Hòa thuốc bột NADYZIN với lượng nước vừa đủ và uống thuốc cách bữa ăn vì quá trình hấp thu kẽm có thể bị ảnh hưởng bởi thức ăn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với các thành phần của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Thận trọng khi dùng trong giai đoạn loét da dày và tràng tiến triển và nôn ói cấp tính.
Liên quan tá dược lactose: Bệnh nhân mắc các rối loạn di truyền hiếm gặp về dung nạp fructose, chứng thiếu hụt lactase Lapp hay rối loạn hấp thu glucose-galactose không nên sử dụng thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Thuốc sử dụng được cho phụ nữ có thai và cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc không ảnh hưởng lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

Chế phẩm chứa sắt, penicilamin, chế phẩm chứa phospho, ciprofloxacin và tetracyclin có thể làm giảm hấp thu kẽm. Vì vậy nên uống Nadyzin và các thuốc này cách nhau tối thiểu 2 giờ.

Khi sử dụng đồng thời kẽm và sắt hoặc đồng có thể làm giảm nồng độ hấp thu kẽm vào máu. Kẽm có thể ảnh hưởng tới nồng độ của đồng.

Thực phẩm có nồng độ cao chất phytin (như các sản phẩm ngũ cốc, các loại đậu, hạt) sẽ làm giảm khả năng hấp thu kẽm. Ngoài ra cả pH cũng ảnh hưởng tới việc hấp thu kẽm.

Tương kỵ của thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Thường gặp: Đau bụng, chứng khó tiêu, nôn, buồn nôn, tiêu chảy, kích thích dạ dày và viêm dạ dày.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Triệu chứng quá liều: Lưỡi có mùi vị kim loại, đau đầu, tiêu chảy và buồn nôn.
Xử trí: Ngừng sử dụng thuốc và hỏi ý kiến bác sĩ.
Dùng liều kẽm gluconat quá cao cấp tính sẽ tạo ra kẽm clorid bởi acid dạ dày làm phá hủy dần da dày. Xử trí: Uống sữa hoặc dùng kiềm carbonat và than hoạt tính. Tránh sử dụng gây nôn hoặc rửa dạ dày.
Dùng liều cao kẽm kéo dài sẽ có nguy cơ thiếu hụt đồng. Xử trí: Dùng EDTA calci tạo phức chelat để giảm nồng độ kẽm trong huyết thanh.

THÔNG TIN VỀ DƯỢC LÝ, LÂM SÀNG

Đặc tính dược lực học:

Kẽm là vi chất dinh dưỡng quan trọng, tham gia vào thành phần cấu tạo của nhiều loại enzym và là thành phần ở hầu hết các tế bào. Kẽm cần thiết cho một hệ thống miễn dịch lành mạnh, có khả năng chống nhiễm trùng và phòng ngừa cảm cúm. Kẽm cũng cần thiết cho sự tổng hợp DNA, kích thích sự chuyển hóa của vitamin A. Ngoài ra, kẽm còn hỗ trợ cho việc tăng trưởng và phát triển bình thường của thai nhi trong bụng mẹ.

Tiêu chảy kéo dài làm mất đi một lượng kẽm đáng kể. Việc giảm kẽm làm chậm quá trình tái tạo và phục hồi về cấu tạo và chức năng tế bào niêm mạc ruột. Vì vậy, việc bổ sung kẽm có khả năng làm giảm tiêu chảy ở người tiêu chảy kéo dài.

Kẽm gluconat là dạng muối tan trong nước nên thường dùng bổ sung kẽm trong trường hợp thiếu.

Đặc tính dược động học:

Hấp thu: Kẽm hấp thu không hoàn toàn ở ống tiêu hóa. Sự hấp thu của kẽm giảm khi dùng đồng thời với một số thành phần có trong thức ăn như là phytate, casein, phosphat, calci và sắt.

Phân bố: Kẽm phân bố ở khắp cơ thể, nhiều nhất ở cơ, xương, mắt và dịch tuyến tiền liệt.

Chuyển hóa, thải trừ: Kẽm thải trừ qua phân. Một lượng nhỏ được thải trừ qua mồ hôi và nước tiểu.

ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓI NHỎ NHẤT, QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 24 gói x 2 gam

HẠN DÙNG CỦA THUỐC

36 tháng kể từ ngày sản xuất

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Bảo quản: Ở nhiệt độ không quá 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC:

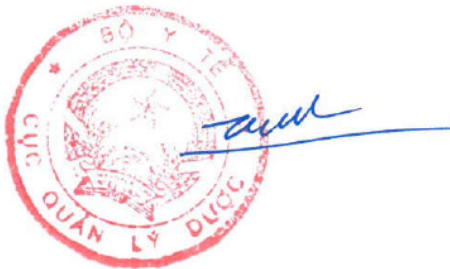


NADYZIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9

ĐT: (028) 38687355 FAX: 84.28 38687356

930C4, đường C, KCN Cát Lái, Cụm 2, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q.2, TP Hồ Chí Minh



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh

Ngày 11 tháng 05 năm 2018

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



Nguyễn Chí Thành